

Số: **112/2026/QĐST-HNGĐ**

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HÀ NỘI

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 72/2026/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Anh **Trần Quang D**, sinh ngày: 1994; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu Đ, xã Đ, tỉnh Phú Thọ
- Chị **Trần Thị Vân A**, sinh năm: 1995; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu Đ, xã Đ, tỉnh Phú Thọ; Nơi công tác: Công ty TNHH X, địa chỉ: Số E ngõ E Đ, phường G, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Anh Trần Quang D và chị Trần Thị Vân A tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 31/03/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ, (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18/2015, quyển số 02). Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3]. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Quang D** và chị **Trần Thị Vân A**.

2. Về con chung:

Anh Trần Quang D và chị Trần Thị Vân A xác nhận có 02 con chung là cháu Trần Linh Đ, sinh ngày: 21/4/2017 và cháu Trần Thảo D1, sinh ngày: 18/09/2015. Khi ly hôn anh D, chị Vân A thống nhất thỏa thuận: Chị Vân A là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trần Linh Đ và cháu Trần Thảo D1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh D, chị Vân A thống nhất thỏa thuận: anh D được tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi các con chung kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Dũng được quyền đi lại, thăm nom chăm sóc các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản):

Anh Trần Quang D và chị Trần Thị Vân A xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về các khoản vay nợ:

Anh Trần Quang D và chị Trần Thị Vân A xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về lệ phí Tòa án:

Chị Trần Thị Vân A tự nguyện chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tiền số 0001742 ngày 20/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

II. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- CQ đã thực hiện việc đăng ký KH;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân Tp. Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoài Phương